

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2017/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp**

U.B.N.D TỈNH KON TUM

JẾN

Số:

Ngày:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 quy định về chế độ, chính sách và
các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt
động của Hội đồng nhân dân các cấp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ
chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn
tỉnh**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017, thay thế Nghị quyết số 38/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2017/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản pháp luật);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu tài chính đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (viết tắt là *Hội đồng nhân dân các cấp*).

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng cho Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các đối tượng khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng quy định.

2. Các chế độ khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với khoản chi đặc thù khác chưa được quy định cụ thể, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hằng năm và tình hình thực tế của địa phương để quyết định.

3. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì được hưởng một lần với mức cao nhất các nội dung, mức chi: Trang phục (*lễ phục*); chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm; chế độ chi hỗ trợ các tài liệu của đại biểu được cấp (*công báo, báo nhân dân...*).

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi cho công tác thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết... trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết (*không phải là văn bản quy phạm pháp luật*) trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo hoặc dự thảo nghị quyết.

2. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình... thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giữa 02 (hai) kỳ họp: 500.000 đồng/văn bản.

3. Chi xây dựng văn bản góp ý kiến về nội dung thẩm tra: 200.000 đồng/văn bản.

4. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra

a) Chủ trì: 150.000 đồng/buổi.

b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

Điều 4. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức

1. Chi cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (*theo chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội*) để lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi như sau:

a) Chủ trì: 200.000 đồng/buổi.

b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo Nghị quyết: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 5. Chi cho công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chi xây dựng văn bản

a) Chi cho việc xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề, kế hoạch khảo sát (*Bao gồm cả Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, Quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch, đề cương*): 2.000.000 đồng/chuyên đề.

b) Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát: 2.500.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 1.200.000 đồng/báo cáo.

d) Chi cho việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề được giám sát (*giám sát chuyên đề, chất vấn, giải quyết kiến nghị cử tri*): 2.500.000 đồng/ dự thảo Nghị quyết.

2. Chi bồi dưỡng cho Đoàn giám sát, khảo sát như sau:

a) Trưởng đoàn: 150.000 đồng/buổi.

b) Thành viên của Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Công chức, người lao động phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

3. Chỉ xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp: Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành về quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia độc lập, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần tư vấn trong hoạt động giám sát. Mức chi: 1.000.000 đồng/văn bản.

Điều 6. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoản chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm.

b) Công chức, người lao động phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng viết báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri

a) Báo cáo của từng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Đối với mức khoán tiền xăng xe, công tác phí... cho Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: căn cứ vào dự toán kinh phí hằng năm và địa bàn vùng sâu, vùng xa, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức khoán cho từng đại biểu, từng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chi công tác xã hội

1. Chế độ quà tặng đối với các đối tượng chính sách nhân dịp lễ, tết

Các đối tượng chính sách gồm: Gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945; các cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai... và các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới... khi đoàn của Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà, mức giá trị quà tặng cho mỗi lần thăm hỏi được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với dịp tết, dịp lễ: Xử lý chung theo chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà cho tập thể, cá nhân theo kế hoạch, chương trình công tác và thanh toán theo thực tế. Số quà do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà cho

- Tập thể: 3.000.000 đồng/lần.

- Cá nhân: 800.000 đồng/lần.

2. Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất

a) Chi tiền thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi ốm đau nằm viện (*không quá 02 lần/người/năm*): 1.000.000 đồng/người/lần.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi bị bệnh hiểm nghèo được trợ cấp (*không quá 02 lần/người/năm*): 3.000.000 đồng/người/lần.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (*chồng*), vợ (*chồng*), con của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, của nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi từ trần thì gia đình được thăm viếng: 2.000.000 đồng/lần.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ tiền khám sức khỏe định kỳ: 2.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao giữa 02 nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hưởng mức chi bằng 50% mức quy định.

đ) Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm và nghỉ hưu được áp dụng như các điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

Điều 8. Chế độ chi hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Một nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục (*lễ phục*): 3.000.000 đồng/người/bộ.

2. Các tài liệu của đại biểu được cấp: Công báo, Báo Nhân dân, Báo địa phương, Báo Người đại biểu nhân dân, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, phí khai thác Internet được cấp theo mức khoán (*không cần hóa đơn*): 500.000 đồng/người/tháng.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao giữa 02 nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hưởng mức chi bằng 50% mức quy định.

Điều 9. Chi bồi dưỡng cho đại biểu tham dự và người phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh, các Hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (theo thực tế)

1. Đại biểu tham dự (*đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời*): 100.000 đồng/ngày/người.

2. Công chức, người lao động phục vụ: 80.000 đồng/người/ngày.

Điều 10. Một số chế độ chi khác

1. Chi quà tặng cho cá nhân, cơ quan, tổ chức ngoài tỉnh

Quà tặng được sử dụng khi các đoàn của Hội đồng nhân dân tỉnh đi công tác ngoài tỉnh hoặc các đoàn khách trong nước đến thăm và làm việc với Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh. Chi tặng quà phải được dự toán trong kinh phí hoạt động hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi đoàn đến Kon Tum hoặc mỗi tỉnh mà Đoàn của Hội đồng nhân dân tỉnh đến công tác như sau (*Đoàn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tặng quà trị giá bằng tiền*): 2.000.000 đồng/đoàn;

2. Chế độ may trang phục

Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh công chức, người lao động của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 01 (*một*) bộ trang phục (*lễ phục*), mức chi cụ thể như sau:

a) Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.000.000 đồng/người/bộ.

b) Công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.500.000 đồng/người/bộ.

Điều 11. Mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã: Mức chi cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng